

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 08-4-2024.

“V/v: Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Quỳnh

Ông Đinh Xuân Dậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1060/2023/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2023 về việc *“Ly hôn, nuôi con chung”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị N, sinh năm 1993

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân V, sinh năm 1994

Cùng hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Tạm trú tại: Xóm A, ấp T, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn - bà Mai Thị N, trình bày:**

Bà và ông Nguyễn Xuân V tự nguyện tìm hiểu nhau, có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận số 27 ngày 11/8/2014.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, bình thường nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, kinh tế gia đình khó khăn nhưng ông V không chia sẻ, gánh vác cùng mà thường xuyên ăn nhậu, chơi bời khiến cho cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà và ông V có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 26/01/2015 và cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 28/9/2016. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* *Bị đơn – ông Nguyễn Xuân V:* Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án: Quá trình chung sống giữa bà Mai Thị N và ông Nguyễn Xuân V đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng về tính cách, quan điểm sống và công việc làm ăn thua lỗ nên không tìm được tiếng nói chung, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà N được ly hôn với ông V; Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 26/01/2015 và Nguyễn Quốc K, sinh ngày 28/9/2016. Hai con chung đều có nguyện vọng ở với mẹ nên việc giao con cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm thời, ông V không cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu. Về tài sản chung: Bà N khai tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Bà N khai không có, do chưa lấy được lời khai của ông V nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Bà N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ông Nguyễn Xuân V cư trú tại xóm A, ấp T, xã H 3, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt:* Bị đơn – ông Nguyễn Xuân V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục quy định nhưng ông V vẫn vắng mặt, không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bên cạnh đó, nguyên đơn – bà Mai Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị N và ông Nguyễn Xuân V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam ngày 11/8/2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V không đến Tòa án làm việc và không có văn bản trình bày ý kiến đối với những yêu cầu khởi kiện của bà N là tự từ bỏ quyền chứng minh của mình. Tòa án cũng không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng khi không có sự hợp tác của ông V. Ngoài ra, biên bản xác minh về tình trạng quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông V tại Ủy ban nhân dân xã H 3 (BL 30), thể hiện: Địa phương không nắm được và cũng không nhận được đơn yêu cầu hoà giải mâu thuẫn. Do đó, cần xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông V là có thật, ông V không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ, không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

[2.2]. Về con chung: Bà N và ông V có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 26/01/2015 và cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 28/9/2016. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung

là phù hợp, vì: bà N có công việc và thu nhập ổn định (BL 24, 25), các con chung đều có nguyện vọng được ở với bà N (BL 28). Tạm thời, bà N không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu giải quyết trong vụ án. Ông V vắng mặt không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Bà N trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết. Ông V vắng mặt không có ý kiến nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 147, 220, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị N.

1. Bà Mai Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Xuân V.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 26/01/2015 và cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 28/9/2016 cho bà Mai Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời, bà N không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Mai Thị N phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007722 ngày 06/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà N đã nộp đủ án phí.

Báo cho bà N và ông V biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Nhân Hưng,
h.Lý Nhân; t. Hà Nam;
(GCNKH số 27 ngày 11/8/2014)
- VKSND H.Trảng Bom;
- CC.THADS H.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thùy Dung